

Số: 212 /NMĐSH1-TM

Hậu Giang, ngày 13 tháng 12 năm 2025

V/v cung cấp báo giá hàng hóa: Mua sắm vật tư
tiêu hao phục vụ công tác BDSC năm 2025 -
Phần Vật tư tiêu hao thông thường

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 (NMĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm “Mua sắm vật tư tiêu hao phục vụ công tác BDSC năm 2025 - Phần Vật tư tiêu hao thông thường”. NMĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

8. Phạm vi công việc:

- Danh mục hàng hóa: như Phụ lục đính kèm
- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành tối thiểu 12 tháng, sản xuất từ năm 2024 trở lại đây.
- Cung cấp tài liệu nhà sản xuất, cung cấp CO,CQ/các tài liệu liên quan khác.

9. Tiến độ cung cấp: 120 ngày kể từ ngày đặt hàng/Hợp đồng có hiệu lực.

10. Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Thị Trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang..

11. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày chào giá.

12. Thời gian gửi báo giá: trước 15 h00 ngày 25/02/2025.

13. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.

14. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Vũ Hồng Vân (SĐT: 0939 751 651) - Phòng Thương mại – NMĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Email: giangtth@pvpgb.vn; hanhhx@pvpgb.vn; vanvh@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Nhà máy (để b/c);
- Phòng/PX: KTATMT;
- Lưu VT, TM (V.H.V).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMĐ SÔNG HẬU 1**

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Chính

PHẠM VI CÔNG VIỆC ĐÍNH KÈM CÔNG VĂN SỐ 212 /NMĐSH1-TM NGÀY 13 /02/2025
(Danh mục vật tư tiêu hao phục vụ công tác BDSC năm 2025 - Phần Tiêu hao thông thường)

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Áo trùm vệ sinh máy lạnh	Dùng cho máy lạnh 1,5-2 HP Chất liệu: nhựa PU dẻo không nước có khung 2 bên thuận lợi. Ổng thoát nước thải dài 2,8 m Kích thước: 100 x 130 Cm Miếng áo vệ sinh có thun co giãn Trọng lượng: 1700 g	Q-565		Việt Nam	Cái	2	
2	Áo trùm vệ sinh máy lạnh âm trần	Chiều rộng: 2.5 mét Chiều dài ống xả : 5.0 mét Vải Chống Thấm , độ bền cao"	ROAT250	RO/ Việt Nam	Việt Nam	Cái	2	
3	Bàn chải đồng thau 7 hàng cán gỗ	Loại cước thau; 7 hàng Kích thước: 10 x 30 x 235 mm Chiều dài sợi cước: 15 mm			Asia	Cái	420	
4	BÀN CHẢI INOX CÁN SẮT MŨI CONG	Bàn chải thiết kế bằng sợi kim loại nhỏ có độ cọ sát cao, giúp bạn chà rửa tiện lợi. Đặc biệt, với bàn rộng và mỏng, giúp bàn chải đi vào các khe rãnh nhanh chóng, vệ sinh dễ dàng.	BC-IN02	TỔNG HỢP	Việt Nam	Cái	45	
5	Bàn chải nhựa	- Bàn chải cọ sàn cán dài - Kích thước: 17,5 x 7,5 x 67cm - Chất liệu: Nhựa PP (Polypropylen)			Asia	Cái	90	
6	Bàn chải thép 7 hàng cán gỗ	Loại cước sắt; 7 hàng Kích thước: 214mm x 34mm x 31mm			Asia	Cái	760	
7	Băng keo giấy 48mm	Băng keo giấy BK04-4P8 Kích thước: 48mm x 20 Yards		Hiệp Phát	Asia	Cuộn	322	
8	Băng rào cảnh báo khu vực cấm vào	- Xuất xứ: Việt Nam - Màu sắc: Trắng đỏ - Độ rộng: 7cm - 8cm - Độ dài: khoảng 70m - 100m - Trọng lượng: 700 gram - Lõi: giấy hoặc nhựa - Hình dạng: cuộn, có mặt bích 2 bên - Chữ in trên băng: KHU VỰC CẤM VÀO - Not allowed area, in 1 mặt - Chất liệu: nhựa PP không bị đổi màu khi tiếp xúc với ánh nắng mặt trời - Quy cách: 1 cọc = 5 cuộn; 1 tải = 25 cuộn - Công dụng: Rào chắn công trình để đảm bảo an toàn khi thi công.			Asia	Cuộn	68	
9	Bao tải dứa	- Bao tải dứa 60cm x 100cm			Asia	Cái	10	
10	Bạt nhựa xanh cam khổ 4m x 5m	Màu: Xanh Cam Khổ 4m x 5m	BXC		Asia	Tấm	29	
11	Bay xây dựng	- Bay lớn, lá thép 65Mn màu xanh, dày 1.1mm; - Cuồng to, tán 4 đỉnh chắc chắn, tròn, đều, phẳng, rất đẹp; - Cán gỗ cầm xe màu tự nhiên, khâu đồng. Cán to, nặng, chắc chắn; - Đặc biệt có chốt đỉnh sau cán chống xoay và tuột cuồng; - Size lớn: lá thép 9.2 x 17cm			Asia	Cái	17	
12	Bình gas mini	- Thành phần: 100% butane - Trọng lượng: 250g	Namilux Lon Gas	NAMILUX	Asia	Bình	2	
13	Bộ lõi lọc nước uống	- Model: KAD-N89 Bộ 9 lõi lọc gồm: - Lõi 1: Smax Pro 1 - Lõi 1: Smax Pro 2 - Lõi 1: Smax Pro 3 - Mineral - T33-GAC - ORP Alkaline - Tourmaline - Hydrogen Plus - Nano sliver Plus	KAD-N89	Karofi	Asia	Bộ	4	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
14	Bộ mũi khoan inox 25 chi tiết	Mã đặt hàng: 1362-S25 Bộ mũi khoan inox 25 mũi, từ Ø1 – 13mm - Bao gồm các size: Ø1 / 1.5 / 2 / 2.5 / 3 / 3.5 / 4 / 4.5 / 5 / 5.5 / 6 / 6.5 / 7 / 7.5 / 8 / 8.5 / 9 / 9.5 / 10 / 10.5 / 11 / 11.5 / 12 / 12.5 và 13mm. - Thành phần hợp kim 5% Cobalt. - Dùng cho thép, gang, hợp kim có khả năng kháng xé 900N/mm². - Dùng cho cả hợp kim cao cấp, inox, chống hóa chất, ăn mòn. - Định mũi khoan: 130° - Đáp ứng tiêu chuẩn: DIN 338 Type N - Số chi tiết: 25 - Thành phần: Ø1,0-13 mm, bước nhảy mỗi size 0,5 mm	1362-S25	Elora	EU/G7	Bộ	3	
15	Bộ mũi khoan sắt	Bộ mũi khoan hợp kim 25 chi tiết: Đáp ứng tiêu chuẩn: DIN 1412 C cho các size có đường kính từ Ø3mm, DIN 338 Type N. Hợp kim: 5% Cobalt. Momen xoắn chịu được: 900 N/mm² Định mũi khoan nghiêng: 130 độ. Bao gồm 25 mũi khoan có bước chuyển size 0.5mm. Các mũi khoan thành phần: Ø1,0 – 1,5 – 2,0 – 2,5 – 3,0 – 3,5 – 4,0 – 4,5 – 5,0 – 5,5 – 6,0 – 6,5 – 7,0 – 7,5 – 8,0 – 8,5 – 9,0 – 9,5 – 10mm. 10,5 – 11,0 – 11,5 – 12,0 – 12,5 – 13mm Trọng lượng: 1126 g.	1362-S25	Elora	EU/G7	Bộ	6	
16	Bông lọc bụi	Tên sản phẩm: Bông lọc bụi G4-EN779 Chất liệu: Sợi tổng hợp Polyeste Khô: 2m x 20m Độ dày: 20mm Tiêu chuẩn: G4 - EN 779 Lưu lượng: 5400m³/h/m² Màu sắc: Màu trắng Áp suất đầu: 42Pa Áp suất thay thế: 250Pa Nhiệt độ giới hạn: 100°C Quy cách 2mx20m/cuộn	G4	2G	Asia	Cuộn	3	
17	Bút lông dầu màu xanh dương đầu nhỏ	Bề rộng nét viết: 1 mm & 0.4 mm; Số đầu bút: 2		Thiên Long	Asia	Cây	30	
18	Bút sơn đánh dấu màu đỏ	Màu mực: đỏ Nét 2.3mm		Toyo	Asia	Cây	70	
19	Bút sơn đánh dấu màu trắng	Màu mực: trắng, nét 2.3mm		Toyo	Asia	Cây	34	
20	Bút sơn đánh dấu màu xanh dương	Màu mực: xanh dương, nét 2.3mm		Toyo	Asia	Cây	70	
21	Bút xóa trắng	Dung tích: 12ml		Thiên Long	Asia	Cây	105	
22	Can nhựa 10 Lit	Dung tích: 10 Lit Vật liệu: nhựa HDPE			Vietnam	Cái	19	
23	Can nhựa 2 Lit	Dung tích: 02 Lit Vật liệu: nhựa HDPE			Vietnam	Cái	19	
24	Can nhựa 20 Lit	Dung tích: 20 Lit Vật liệu: nhựa HDPE			Vietnam	Cái	21	
25	Can nhựa 30 Lit	Dung tích: 30 Lit Vật liệu: nhựa HDPE			Vietnam	Cái	23	
26	Can nhựa 5 Lit	Dung tích: 05 Lit Vật liệu: nhựa HDPE			Vietnam	Cái	11	
27	Cán xẻng gỗ	- Cán tâm vong, dài 1m2			Vietnam	Cái	2	
28	Chai xịt chống rỉ sét, bôi trơn	WD40 Dung tích/ Trọng lượng: 412 ml	WD-40	WD-40	G20	Chai	1.360	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
29	Chai xịt chống rỉ sét, bôi trơn Chesterton 723	Mô tả sản phẩm : Chesterton 723 Sprasolvo hỗ trợ tháo các bu lông đai ốc bị rỉ sét, kẹt cứng - An toàn đối với chất dẻo và các bề mặt được sơn phủ - Đạt tiêu chuẩn NSF và tiêu chuẩn FDA 21 CFR 172.884 - Không chứa axit hoặc các dung môi có gốc Clo. Có mùi dễ chịu - Khả năng thẩm thấu tốt nhất, có thể thẩm thấu vào những khe hở cực nhỏ; Đánh bong tận gốc chân rỉ, mềm hóa rỉ sét. Dễ dàng vệ sinh - Là sản phẩm hoàn hảo dùng cho các loại bu lông, đai ốc và khớp nối khó tháo lắp hoặc phải cắt để thay thế, bảo dưỡng	Chesterton 723 Sprasolvo 350g	Chesterton	Mỹ	Chai	120	
30	Chất bôi trơn dây xích và dây cáp (Chain and Wire Rope Lubricants)	Lubricant: FilmDry Size: 16oz Net wt. Aerosol Color: Black Specific Gravity: 1.1 Maximum Temperature: 900 oF Viscosity: Thin Liquid until dry RoHS: Compliant Model: 17040 Item: 23YA74	Chain and Cable Lubricant	Anti-Seize Technology	G20	Chai	40	
31	Chất pha loãng sơn	Chất pha loãng sơn kẻ vạch giao thông Rainbow No.806 Quy cách: thùng 4 lít	806	Rainbow	Asia	Thùng	10	
32	Chén đánh rỉ sét D100	- Model: D100 - Rộng 85mm - Cao: 30-40mm - Mô tả: Để đồ, sợi vàng - Lỗ cốt: 16mm - Chất liệu: Sợi thép kim loại mềm và chắc, không bị bung, gãy sợi khi sử dụng.			Asia	Cái	283	
33	Cổ dẻ bướm 10-16 mm	Độ siết: 10-16 mm Vật liệu: Inox 401	Cổ dẻ		Asia	Cái	20	
34	Cổ dẻ bướm 16-25 mm	Độ siết: 16-25 mm Vật liệu: Inox 401	Cổ dẻ		Asia	Cái	30	
35	Cổ dẻ Inox 1"	Size: 1" Material: Inox 304	Cổ dẻ		Asia	Cái	35	
36	Cổ dẻ Inox 1/2"	Size: 1/2" Material: Inox 304	Cổ dẻ		Asia	Cái	5	
37	Cổ dẻ Inox 2"	Size: 2"; Material: Inox 304	Cổ dẻ		Asia	Cái	26	
38	Cọ sơn 10 cm	Size: 10 cm		Thanh Bình	Vietnam	Cái	248	
39	Cọ sơn 2.5 cm	Size: 2,5 cm (1")		Thanh Bình	Vietnam	Cái	238	
40	Cọ sơn 3.8 cm	Size: 3,8 cm (1½")		Thanh Bình	Vietnam	Cái	568	
41	Cọ sơn 5cm	Kích thước: 5 cm (2")		Thanh Bình	Vietnam	Cái	270	
42	Cọ sơn lăn có cán 6cm	Cọ lăn chỉ mini 6cm, có cán. Quy cách: 6cm		Thanh Bình	Vietnam	Cái	135	
43	Côn công nghiệp 90°	Côn công nghiệp 90°	Côn 90		Asia	Lít	210	
44	Đai siết cổ dẻ	Cổ dẻ Ø14 - Ø27; vật liệu: inox 304	Cổ dẻ		Asia	Cái	83	
45	Đai siết cổ dẻ	Cổ dẻ Ø40 - Ø63; vật liệu: inox 304	Cổ dẻ		Asia	Cái	95	
46	Đai siết cổ dẻ	Cổ dẻ Ø78 - Ø101; vật liệu: inox 304	Cổ dẻ		Asia	Cái	15	
47	Đai siết cổ dẻ	Cổ dẻ Ø91 - Ø114; vật liệu: inox 304	Cổ dẻ		Asia	Cái	55	
48	Dao rọc giấy lớn	Size: 18mm		Thiên Long	Vietnam	Cái	90	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
49	Dầu chống rỉ sét RP7	Thương hiệu: Selleys Xuất xứ thương hiệu: Australia Sản xuất: Việt Nam Dung tích/ Trọng lượng: 350g Mã sản phẩm: RP7 Công dụng: Phù hợp sử dụng trong dân dụng, máy móc tự động, tàu thuyền, nông cụ, công nghiệp và xây dựng. Bảo quản: Giữ sản phẩm nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Trọng lượng: 350 g	RP7	Selleys	Australia	Chai	174	
50	Dây inox	Đường kính: 1 mm	Dây Inox		Asia	Kg	11	
51	Dây kẽm buộc	Đường kính: 1 mm	Dây Inox		Asia	Kg	39	
52	Dây rút nhựa	5x300 mm, 100 sợi/bịch			Asia	Bịch	8	
53	Dây thùng	Đường kính: 10mm			Asia	Mét	400	
54	Dây thùng	Đường kính: 6mm			Asia	Mét	164	
55	Dây thùng	Đường kính: 16mm			Asia	Mét	255	
56	Dung môi sơn Epoxy	Thông số kỹ thuật: - Mã sản phẩm: DMES03 - Màu sắc: trong suốt - Tỷ trọng: 0.83g/ml - Điểm chớp cháy: 24 độ C Đóng gói: Thùng 5 lít	DMES03	Hải Âu	Vietnam	Lít	11	
57	Găng tay bảo hộ cách điện cao cấp 3M	Thành phần: Nylon, NBR, cotton.	3M™ Comfort Grip Gloves	3M	Asia	Đôi	197	
58	Găng tay bảo hộ lao động chống dầu nhờn	Chất liệu: Sợi polyester Màu sắc: Màu đen Cấu tạo: sợi polyester, lòng bàn tay phủ nitrile	SuperPro	Safety Jogger	Asia	Đôi	378	
59	Găng tay chống hóa chất	- Ansell 92-670 GTCHC-18496 - Găng 100% Nitrile không bột, dài 240mm, dày 0.12 mm. - Loại sử dụng 1 lần. - Chống đâm thủng gấp 3 lần so với Latex hay Vinyl. - Đầu ngón tay có vân tăng độ bám - Phần cuộn ở cổ tay đảm bảo sự vừa vặn. - Chống đâm thủng gấp 3 lần so với găng Latex hay PVC dùng 1 lần. - Size: 6-10 - Đóng gói: 100 chiếc/ hộp	92-670	Ansell	Asia	Hộp	11	
60	Găng tay đa dụng	Chất liệu: Cotton pha nilon phủ Nitrile Kiểu dáng: Công nghiệp Tiêu chuẩn: CE(EU) ASTM(USA), Size: M, L, XL (Chia đều size) Màu sắc: Xám		3M	Asia	Đôi	489	
61	Găng tay nilon	Chất liệu: màng PE			Asia	Kg	4	
62	Găng tay phủ hạt nhựa	- Chất liệu: Sợi 100% cotton hoặc 100% Polyester phủ hạt nhựa chống trơn trượt trong lòng găng tay. - Trọng lượng: Đầy đủ các cỡ loại từ 38g đến 80g, kim 7 hoặc kim 10 - Độ bền: Độ bền và độ an toàn cao. - Công dụng: Chống trơn, chống hóa chất, chống nóng, chịu nhiệt			Asia	Đôi	10.060	
63	Găng tay sợi chống cắt, chống trơn trượt	Tiêu chuẩn chất lượng: Chống cắt mức độ 5 theo tiêu chuẩn Châu Âu EN 1082 Chất liệu: Găng sợi vải trắng cao su Màu sắc: màu bạc Kiểu dáng: Công nghiệp		3M	Asia	Đôi	466	
64	Giấy nhám A120	Size: 9" x 11"; Độ nhám: 120	AA-120	Sankyo	Japan	Tờ	500	
65	Giấy nhám A1200	Size: 9" x 11"; Độ nhám: 1200	AA-1200	Sankyo	Japan	Tờ	870	
66	Giấy nhám A180	Size: 9" x 11"; Độ nhám: 180	AA-180	Sankyo	Japan	Tờ	470	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
67	Giấy nhám A320	Size: 9" x 11"; Độ nhám: 320	AA-320	Sankyo	Japan	Tờ	520	
68	Giấy nhám A400	Size: 9" x 11"; Độ nhám: 400	AA-400	Sankyo	Japan	Tờ	510	
69	Giấy nhám A600	Size: 9" x 11"; Độ nhám: 600	AA-600	Sankyo	Japan	Tờ	760	
70	Gỗ kê	Kích thước nguyên khối 300x300x400 mm. Chất liệu: gỗ cẩm xe			Asia	Cái	1	
71	Hộp đựng đồ nghề	- Thùng đồ nghề cao cấp DeWALT ToughSystem 2.0 - Kích thước (dài x rộng x cao): 50x40x30 - Mã SP: DWST83342-1	DWST83342-1	DeWalt	Global	cái	19	
72	Kệ để giày, dép	- Số tầng: 5 Tầng - Chất liệu: Khung inox chống gỉ - Chất liệu chốt nối: Nhựa - Kích thước: 60 x 30 x 95 (cm) - Màu sắc: Đen - Xanh.			Asia	Cái	2	
73	Keo dán (Mát tit) sửa chữa dưới nước	SealXpert Seal Stic SS106 Underwater Epoxy Stick Colour : Light yellow Compressive strength : 12000 psi (844 kg/cm2) Tensile strength : 6000 psi (422 kg/cm2) Shear strength : 900 psi (63 kg/cm2) Hardness : 80 Shore D Temperature range : -50 °C to 120 °C (-58 °F to 248 °F) Pot life (100g mixture) : 10 min Min. curing time before function : 20 min Quy cách: 114g/bộ	Seal Stic	SealXpert	Asia	Bộ	1	
74	Keo dán đa năng	Keo có khả năng dính mọi chất liệu khác nhau như gỗ, nhựa, đồ gốm, kim loại, thủy tinh, hợp kim Khối lượng tịnh: 60gram		NoMoreNail	NHẬT BẢN	Tuýp	4	
75	Keo dán Epoxy A-B	2-Ton Quick epoxy Steel, Net WT: 56.7 grams/set 01 bộ gồm: 01 tuýp part A: Resin; 01 tuýp par B: Hardener		Alteco	Asia	Bộ	207	
76	Keo dán gasket	Keo dán HYLOMAR Universal Blue non-setting Gasket Jointing Compound, đóng gói 100g/ 1 tuýp, Temperature range: -50°C to + 250°C. Xuất xứ: HYLOMAR/UK	Universal Blue	Hylomar	EU/G7	Tuýp	5	
77	Keo Dán Kim Loại Weicon WR2	Được sử dụng để sửa chữa và phục hồi máy bơm, van, mặt bích và trục, cũng như kim loại, bê tông và nhựa nhất định. Ngăn ngừa mài mòn và ăn mòn kim loại. Thành phần bao gồm một chất độn gốm. Sửa chữa băng tải, đường ray và dây dẫn, nơi mòn bề mặt trượt; vỏ bơm phục hồi, mặt bích và máy dùn. Sửa chữa và niêm phong các bề mặt ma sát của các nút, thanh nối, vòng bi. Sửa chữa các bề mặt làm việc với vòng chữ O. Sửa chữa hướng dẫn trượt. Việc loại bỏ rò rỉ trong đường ống, máng. Sửa chữa nhiên liệu, bình xăng. Sửa chữa lột chì. Niêm phong vết nứt. Loại bỏ rò rỉ trong bồn bể. Quy cách đóng gói: 0,5kg/bộ		Weicon		Bộ	4	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	DVT	Số lượng	Ghi chú
78	Keo dán Loctite 243	Loctite 243 Dùng định vị chống xoay cho các loại bulông, ốc vít có đường kính lên đến : M36 Lực khóa: Trung bình Thời gian cứng / cứng hoàn toàn): 10 Phút / 20 phút Lực tháo /trở lực khi tháo : 26 Nm Nhiệt độ có thể làm việc liên tục: -55°C -> +180°C Quy cách – Mã sản phẩm: Chai 50ml	Loctite 243	Loctite	G20	Chai	11	
79	Keo dán Loctite 263	Loctite 263 Công nghệ: Acrylic Loại hóa chất: Dimethacrylate ester Độ nhớt: thấp Đường kính bulông, ốc vít: lên đến 1" (lên đến M25) Đông đặc: yếm khí – kỵ khí Lực khóa: Cao Thời gian đông kết (tối thiểu/hoàn toàn)*: 10 phút / 24 giờ Lực tháo / trở lực khi tháo lb.in. (N.m): 180/62 (20/7) Nhiệt độ có thể làm việc liên tục: 300°F (150°C) Quy cách sản phẩm: Chai 50ml	Loctite 263	Loctite	G20	Chai	7	
80	Keo dán Loctite 495	Loctite 495 - Technology: Cyanoacrylate; + Chemical Type: Ethyl cyanoacrylate; + Appearance (uncured): Transparent, colorless to straw colored liquid LMS; + Components: One part - requires no mixing; + Viscosity: Low - Cure: Humidity - Application: Bonding; + Key Substrates: Plastics, Rubbers and Metals TYPICAL PROPERTIES OF UNCURED MATERIAL:- Specific Gravity @ 25 °C: 1.1; Temperature: 25 °C, Shear Rate: 3,000 s1: 20 to 45LMS; Spindle 1, speed 30 rpm: 20 to 60 TYPICAL CURING PERFORMANCE: Under normal conditions, the atmospheric moisture initiates the curing process. Although full functional strength is developed in a relatively short time, curing continues for at least 24 hours before full chemical/solvent resistance is developed. Cure Speed vs. Substrate:The rate of cure will depend on the substrate used. The table below shows the fixture time achieved on different materials at 22 °C /	Loctite 495	Loctite	G20	Chai	39	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
81	Keo đắp bù vật liệu kim loại WEICON HB 300	WEICON HB 300 là một loại keo đặc, chứa chất độn bằng thép và có khả năng chịu nhiệt cao lên đến +200°C (392°F) (lên đến 280°C/536°F trong một thời gian ngắn). Nó được xử lý với tỷ lệ pha trộn 1:1. Hệ nhựa epoxy này cũng phù hợp cho các ứng dụng trên các bề mặt dọc và có thể được sử dụng để sửa chữa và kết dính các bộ phận đúc và kim loại, để lấp đầy các lỗ thối, sửa chữa hư hại trên các thùng, xe đẩy và bộ phận máy móc và để kín các bơm và ống. Sản phẩm này có thể được sử dụng trong kỹ thuật cơ khí, trong kỹ thuật thiết bị và trong nhiều lĩnh vực khác của ngành công nghiệp. Weicon HB 300 được dùng trong ứng dụng hàng hải, ngoài khơi và công nghiệp – Sửa chữa và liên kết các bộ phận và kim loại, để lấp đầy các lỗ hỏng, sửa chữa các hư hỏng trên thùng chứa, toa tàu và các bộ phận máy móc và để làm kín máy bơm và đường ống. Quy cách đóng gói: 0,5kg/bộ		Weicon		Bộ	6	
82	Keo kết dính chống mài mòn TONSAN TS226C	Loại: TONSAN TS226C Mẫu: Cosa TS226C Trọng lượng: 10 Kg/ thùng Loại vật liệu kết dính: Kim loại		TONSAN	Hàn Quốc	Thùng	50	
83	Keo silicone	Color: Gray Container Type: Tube Cure Time: 48 hrs. Dry Time: 55 min. Odor: Slight Temperature Range: -45 to 200°C Quy cách: 90ml/tuýp	Dowsil 3145 RTV	DOW	G20	Tuýp	39	
84	KEO SILICONE TRUNG TÍNH	Mã sản phẩm: 24001198, ID: 11978 Model : SN-501 Grey/White Chai nhựa/300ml	SN-501 Gray/White	X'traseal	Asia	Chai	748	
85	Keo STG-B (H0312)	ĐVT : Hộp Quy cách : Loại 0.65kg/hộp ⇔ 0.8 lít Màu sắc : đen Tính chất : Dễ cháy, không gây độc hại cho người dùng Bảo quản : 10-18 độ C	H 0312	Nilos	Germany	hộp	15	
86	Khẩu trang chống bụi	- Model: 8822 - Dây đeo: cao su - Chất liệu: Giấy sợi hoạt tính - Tiêu chuẩn: EN 149:2001+A1:2009 FFP2 NR D, CE	8822	3M	Asia	Hộp	140	
87	Khẩu trang than hoạt tính	Khẩu trang có màng lọc than hoạt tính Màng lọc cao cấp 1200m²/g Màu: xanh dương Size: người lớn		Hoàng Thanh	Asia	Cái	1.515	
88	Khẩu trang vải than hoạt tính GP Extreme	Gồm 7 lớp lọc. Lớp giữa là than hoạt tính ACF (than sợi cao cấp) Lọc được bụi siêu mịn PM3		Hoàng Thanh	Vietnam	cái	128	
89	Khẩu trang y tế 4 lớp	- Cấu tạo: Vải không dệt, vải kháng khuẩn, giấy vi lọc, nẹp nhôm hoặc kẽm bọc nhựa, dây đeo '- 04 lớp bao gồm: + 02 lớp vải không dệt chống giọt bắn vi khuẩn + 01 lớp vải kháng khuẩn tằm nano bạc + 01 lớp giấy vi lọc với hiệu quả lọc khuẩn cao - Tiêu chuẩn: TCCS, TCVN, CE, FDA - Quy cách: 50 cái/hộp		GoGreen	Vietnam	Hộp	10	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
90	Khay đựng nhớt thải inox	Kích thước: 650 x 530 x 100 mm Vật liệu: inox 304			Asia	Cái	7	
91	Khay Inox	Inox 304: 420x320x50 (mm); dày 0,8mm			Asia	Cái	6	
92	Khay nhựa	Model: HS003-SB Size: 610x420x190 mm			Vietnam	Cái	11	
93	Khóa chống trộm chữ U, dạ quang 4 số	Tên sản phẩm: Khóa chống trộm 4 số Chất liệu: thép chống gỉ. Màu sắc: đỏ, đen, vàng Kích thước: 9 x 9 x 2,5 cm Trọng lượng: 200 g Xuất xứ: Germany (Đức) Khóa dạ quang. Thay đổi số linh hoạt theo ý muốn.	801	Schrone	Asia	Cái	20	
94	Long nảo (băng phiến)	- Quy cách: 01 bịch 500 gram - Nhiều màu sắc	SP010179		Việt Nam	Bịch	10	
95	Mặt nạ phòng độc	3M7502 loại nửa mặt thể hệ mới Công Dụng: Dùng kết hợp với phin lọc để bảo vệ hô hấp, không gây kích ứng da Mô Tả: Thiết kế độc đáo với lớp silicon mềm mại tạo cảm giác thoải mái và phù hợp với mọi khuôn mặt. Cùng với Van 3M™ Cool Flow™ độc quyền của 3M, giúp làm giảm sự tích tụ nhiệt và chống đọng sương trong mặt nạ. Dây đeo mềm mại bó sát đầu tạo độ kín khít nhưng vẫn không gây khó chịu cho người mang Chất liệu: Vỏ ngoài bằng silicon Tiêu Chuẩn: EN 140:1998 Trọng Lượng: 136 g Màu Sắc: Xám - Xanh Kích Cỡ: Vừa (7502) Quy Cách Đóng Gói: 1 Cái/Hộp	3M 7502	3M	G20	Hộp	39	
96	Mặt nạ phòng độc nửa mặt Phin lọc	Chất liệu: Chất liệu silicone mềm mại, cao cấp và nhựa chịu nhiệt Tiêu chuẩn mặt nạ: EN 140:1998 Tiêu chuẩn lọc: NIOSH P100 1 bộ bao gồm: 01 Mặt nạ 3M 7501 + 02 Phin lọc 2097	3M 7501	3M	Asia	Bộ	31	
97	Mỡ chống dính	Molykote P 37 Loại sản phẩm: Bột nhão chống kẹt Công nghệ: Dầu khoáng NLGI lớp: 1-2 Chất bôi trơn rắn: Graphit, Zirconium Dioxide Nhiệt độ thấp ℃: -30°C Nhiệt độ cao ℃: +1400°C Màu sắc: Xám đen Quy cách: Brlush top 500gram/ hộp	Molykote P37	Dow	EU/G7	Hộp	17	
98	Nhám vải cuộn	Model: AA100 Mã đặt hàng: DNBH-1052 Thương hiệu: JB5 Bề rộng: 100 cm Dài: 45 m Độ nhám: AA100 Chất liệu vải, nhám thô hạt nhám Oxide Nhôm Aluminum	AA100	JB5	Asia	Cuộn	6	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	DVT	Số lượng	Ghi chú
99	Nhám vải cuộn	Model: AA240 Mã đặt hàng: DNBH-1057 Thương hiệu: JB5 Bề rộng: 100 cm Dài: 45 m Độ nhám: AA240 Chất liệu vải, nhám thô hạt nhám Oxide Nhôm Aluminum	AA240	JB5	Asia	Cuộn	7	
100	Nút bịt tai chống ồn	Nút chống ồn 3M 1290, chất liệu Silicone	1290	3M	Asia	Đôi	43	
101	Ổ khóa số	Yeti 40mm - L116 - Khóa số bấm Yeti 10 số	L116-40	YETI	Asia	Cái	8	
102	Ống nước nhựa dẻo	- Đường kính: 30mm; - Chiều dài: 50m/cuộn	OND-30		Vietnam	Cuộn	1	
103	Phễu Nhựa 25 cm	Chiều rộng (đường kính): 23-25 cm Chất liệu: Nhựa			Asia	Cái	16	
104	Phễu Nhựa 30 cm	Chiều rộng (đường kính): 29.5-30 cm Chất liệu: Nhựa			Asia	Cái	7	
105	Pin 16850	- Chất liệu pin: Pin Li-ion (Li-ion, Lithium Ion Battery). - Thương hiệu pin: Panasonic chính hãng - Mẫu pin: 18650. - Thông số kỹ thuật pin: 18 * 65 (mm). - Dung lượng pin: 3400MAH - Nội trở: dưới 45 miliohm. - Số lần sạc và xả: hơn 1000 lần. - Dòng xả tối đa: 10A, dòng xả liên tục: 5A - Điện áp pin: điện áp tiêu chuẩn 3,6-3,7V; điện áp sau khi sạc đầy là 4,2V.	18650	Panasonic	Asia	Viên	32	
106	Quần áo chống hóa chất	Loại : áo liền quần màu trắng chất liệu : Polypropylene/Polypropylene Laminate. Tính năng : chống hóa chất, Chống bụi không nguy hại, chống văng bắn chất lỏng size : XL Mô tả : áo liền quần , 2 dây khóa kéo 2 chiều: tăng cường sự thuận tiện khi mặc vào và cởi ra. Vai và tay áo không có đường nối : Hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xâm nhập của các chất ô nhiễm và gia tăng sự thoải mái. Tiêu chuẩn : EN 13982-1 Type 5, EN 13034 Type 6, EN 1149-5, EN 1073-2		3M	Asia	Bộ	171	
107	Quần áo dùng 1 lần	Chất liệu : Vải không dệt - dùng 1 lần Màu sắc : xanh/trắng Size: XL Chất liệu vải mặc thoải mái cho công nhân khi làm việc Áo liền quần, áo có xéc kéo, cổ tay và cổ chân bo chun, tạo độ kín để phòng chất độc, dịch bệnh hiệu quả. Phân loại: Áo liền quần có nón		Dupont	Asia	Bộ	103	
108	Silicon đỏ	Silicone Đỏ Sparko RTV Khả năng chịu nhiệt: 343 độ C Trọng lượng: 85g/tuýp Màu sắc: Đỏ	Hi-Temp RTV	Sparko	Asia	Tuýp	725	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
109	Sơn bạc chịu nhiệt	- Chịu nhiệt đến 540 độ C - Colour: Aluminium - Volume Solids: 45% - Typical Film Thickness: 25 microns (1 mils) dry equivalent to 56 microns (2.2 mils) wet - Theoretical Coverage: 18 m²/litre at 25 microns d.f.t and stated volume solids; 722 sq.ft/US gallon at 1 mils d.f.t and stated volume solids - Flash Point (Typical): 25°C (77°F) - VOC content (EPA method 24): 4.13 lb/gal (495 g/lt) - Hard Dry time (at 15°C): 3 Hours - Kết hợp được với dung môi pha sơn International GTA007 - Quy cách: 5.0 lít/thùng	Intertherm 50 Alu	International	Vietnam	Thùng	7	
110	Sơn chống rỉ epoxy 2 thành phần	Màu nâu EP 2502 Phần A: Nhựa epoxy, bột màu, dung môi hữu cơ, các phụ gia đặc biệt. Phần B: Nhựa Đông rắn polyamide, Amine và các dẫn xuất. Đóng Gói: 1L/bộ (A: 0,8 Lít ; B: 0,2 Lít Sơn/đóng rắn	EP 2502	Hải Âu	Vietnam	Bộ	53	
111	Sơn lót 2 thành phần	Color: RAL 7035 (Light Grey) Volume Solids: 82% ±3% (ISO 3233:1998) (depends on colour) Typical Film Thickness: 125 - 250 microns dry (152 - 305 microns wet) Theoretical Coverage: 6.56 m²/litre at 125 microns dft, allow appropriate loss factors Mix Ratio: 5.67 volume(s) Part A to 1 volume(s) Part B Flash Point (Typical): Part A 30°C; Part B 77°C; Mixed 32°C VOC content (EPA method): 240 g/lt Dry time (at 15°C): 26 Hours Kết hợp được với dung môi pha sơn International GTA822 Sơn 2 thành phần gồm Part A; Part B Quy cách: 5 lít/bộ	Interseal 670HS	International	Vietnam	Bộ	2	
112	Sơn lót 2 thành phần	Sơn lót gốc Epoxy 2 thành phần gồm part A; B. PRACTICAL INFORMATION: - Colour: Grey - Volume Solids 82% ± 3% (depends on colour) - Typical Thickness 100-250 microns (4-10 mils) dry equivalent to 122-305 microns (4.9-12.2 mils) wet - Theoretical Coverage 6.56 m²/litre at 125 microns d.f.t and stated volume solids 263 sq.ft/US gallon at 5 mils d.f.t and stated volume solids REGULATORY DATA: - Flash Point (Typical) Base (Part A) 36°C (97°F) Curing Agent (Part B) 56°C (133°F) Mixed 33°C (91°F) - Product Weight 1.6 kg/l (13.3 lb/gal) - VOC 114 g/kg EU Solvent Emissions Directive (Council Directive 1999/13/EC) 2.00 lb/gal (240 g/lt) EPA Method 24 - Kết hợp được với dung môi pha sơn International GTA822 Bao bì: 5L/bộ	Interseal 670HS	International	Vietnam	Bộ	15	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
113	Sơn phủ 2 thành phần	Mã màu: RAL 7035 / Light grey Sơn phủ 2 thành phần gồm part A; B PRACTICAL INFORMATION: - Gloss Level: High Gloss - Volume Solids: 57% ± 3% (depends on color) - Typical Thickness: 2-3 mils (50-75 microns) dry equivalent to 3.5-5.3 mils (88-132 microns) wet - Theoretical Coverage: 457 sq.ft/US gallon at 2 mils d.f.t and stated volume solids 11.40 m²/liter at 50 microns d.f.t and stated volume solids REGULATORY DATA: - Flash Point (Typical): Part A 93°F (34°C); Part B 120°F (49°C); Mixed 95°F (35°C) - Product Weight: 10.1 lb/gal (1.21 kg/l) - VOC: 3.50 lb/gal (420 g/l) EPA Method 24 341 g/kg EU Solvent Emissions Directive (Council Directive 1999/13/EC) - Kết hợp được với dung môi pha sơn International GTA713. Đóng gói: 5 lít/hộp	Interthane 990	International	Vietnam	Bộ	22	
114	Sơn phủ 2 thành phần	Mã màu: RAL 6019 / Pastel Green Sơn phủ 2 thành phần gồm part A; B PRACTICAL INFORMATION: - Gloss Level: High Gloss - Volume Solids: 57% ± 3% (depends on color) - Typical Thickness: 2-3 mils (50-75 microns) dry equivalent to 3.5-5.3 mils (88-132 microns) wet - Theoretical Coverage: 457 sq.ft/US gallon at 2 mils d.f.t and stated volume solids 11.40 m²/liter at 50 microns d.f.t and stated volume solids REGULATORY DATA: - Flash Point (Typical): Part A 93°F (34°C); Part B 120°F (49°C); Mixed 95°F (35°C) - Product Weight: 10.1 lb/gal (1.21 kg/l) - VOC: 3.50 lb/gal (420 g/l) EPA Method 24 341 g/kg EU Solvent Emissions Directive (Council Directive 1999/13/EC) - Kết hợp được với dung môi pha sơn International GTA713. Đóng gói: 5 lít/hộp	Interthane 990	International	Vietnam	Bộ	15	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
115	Sơn phủ 2 thành phần	Mã màu: RAL 3000 / Flame Red Sơn phủ 2 thành phần gồm part A; B PRACTICAL INFORMATION: - Gloss Level: High Gloss - Volume Solids: 57% ± 3% (depends on color) - Typical Thickness: 2-3 mils (50-75 microns) dry equivalent to 3.5-5.3 mils (88-132 microns) wet - Theoretical Coverage: 457 sq.ft/US gallon at 2 mils d.f.t and stated volume solids 11.40 m²/liter at 50 microns d.f.t and stated volume solids REGULATORY DATA: - Flash Point (Typical): Part A 93°F (34°C); Part B 120°F (49°C); Mixed 95°F (35°C) - Product Weight: 10.1 lb/gal (1.21 kg/l) - VOC: 3.50 lb/gal (420 g/l) EPA Method 24 341 g/kg EU Solvent Emissions Directive (Council Directive 1999/13/EC) - Kết hợp được với dung môi pha sơn International GTA713. Đóng gói: 5 lít/hộp	Interthane 990	International	Vietnam	Bộ	1	
116	Sơn phủ 2 thành phần	Mã màu: RAL 1016 / Sulfur Yellow Sơn phủ 2 thành phần gồm part A; B PRACTICAL INFORMATION: - Gloss Level: High Gloss - Volume Solids: 57% ± 3% (depends on color) - Typical Thickness: 2-3 mils (50-75 microns) dry equivalent to 3.5-5.3 mils (88-132 microns) wet - Theoretical Coverage: 457 sq.ft/US gallon at 2 mils d.f.t and stated volume solids 11.40 m²/liter at 50 microns d.f.t and stated volume solids REGULATORY DATA: - Flash Point (Typical): Part A 93°F (34°C); Part B 120°F (49°C); Mixed 95°F (35°C) - Product Weight: 10.1 lb/gal (1.21 kg/l) - VOC: 3.50 lb/gal (420 g/l) EPA Method 24 341 g/kg EU Solvent Emissions Directive (Council Directive 1999/13/EC) - Kết hợp được với dung môi pha sơn International GTA713. Đóng gói: 5 lít/hộp	Interthane 990	International	Vietnam	Bộ	2	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	DVT	Số lượng	Ghi chú
117	Sơn phủ 2 thành phần	Mã màu: RAL 5015 / Sky Blue Sơn phủ 2 thành phần gồm part A; B PRACTICAL INFORMATION: - Gloss Level: High Gloss - Volume Solids: 57% ± 3% (depends on color) - Typical Thickness: 2-3 mils (50-75 microns) dry equivalent to 3.5-5.3 mils (88-132 microns) wet - Theoretical Coverage: 457 sq.ft/US gallon at 2 mils d.f.t and stated volume solids 11.40 m²/liter at 50 microns d.f.t and stated volume solids REGULATORY DATA: - Flash Point (Typical): Part A 93°F (34°C); Part B 120°F (49°C); Mixed 95°F (35°C) - Product Weight: 10.1 lb/gal (1.21 kg/l) - VOC: 3.50 lb/gal (420 g/l) EPA Method 24 341 g/kg EU Solvent Emissions Directive (Council Directive 1999/13/EC) - Kết hợp được với dung môi pha sơn International GTA713. Đóng gói: 5 lít/hộp	Interthane 990	International	Vietnam	Bộ	8	
118	Sơn phủ 2 thành phần	Mã màu: RAL 3020 / Traffic Red Sơn phủ 2 thành phần gồm part A; B PRACTICAL INFORMATION: - Gloss Level: High Gloss - Volume Solids: 57% ± 3% (depends on color) - Typical Thickness: 2-3 mils (50-75 microns) dry equivalent to 3.5-5.3 mils (88-132 microns) wet - Theoretical Coverage: 457 sq.ft/US gallon at 2 mils d.f.t and stated volume solids 11.40 m²/liter at 50 microns d.f.t and stated volume solids REGULATORY DATA: - Flash Point (Typical): Part A 93°F (34°C); Part B 120°F (49°C); Mixed 95°F (35°C) - Product Weight: 10.1 lb/gal (1.21 kg/l) - VOC: 3.50 lb/gal (420 g/l) EPA Method 24 341 g/kg EU Solvent Emissions Directive (Council Directive 1999/13/EC) - Kết hợp được với dung môi pha sơn International GTA713. Đóng gói: 5 lít/hộp	Interthane 990	International	Vietnam	Bộ	3	

7/

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
119	Sơn phủ 2 thành phần	Mã màu: RAL 1003 / Signal yellow Sơn phủ 2 thành phần gồm part A; B PRACTICAL INFORMATION: - Gloss Level: High Gloss - Volume Solids: 57% ± 3% (depends on color) - Typical Thickness: 2-3 mils (50-75 microns) dry equivalent to 3.5-5.3 mils (88-132 microns) wet - Theoretical Coverage: 457 sq.ft/US gallon at 2 mils d.f.t and stated volume solids 11.40 m²/liter at 50 microns d.f.t and stated volume solids REGULATORY DATA: - Flash Point (Typical): Part A 93°F (34°C); Part B 120°F (49°C); Mixed 95°F (35°C) - Product Weight: 10.1 lb/gal (1.21 kg/l) - VOC: 3.50 lb/gal (420 g/l) EPA Method 24 341 g/kg EU Solvent Emissions Directive (Council Directive 1999/13/EC) - Kết hợp được với dung môi pha sơn International GTA713. Đóng gói: 5 lít/hộp	Interthane 990	International	Vietnam	Bộ	3	
120	Sơn phủ 2 thành phần	Mã màu: RAL 2001 / Red Orange Sơn phủ 2 thành phần gồm part A; B PRACTICAL INFORMATION: - Gloss Level: High Gloss - Volume Solids: 57% ± 3% (depends on color) - Typical Thickness: 2-3 mils (50-75 microns) dry equivalent to 3.5-5.3 mils (88-132 microns) wet - Theoretical Coverage: 457 sq.ft/US gallon at 2 mils d.f.t and stated volume solids 11.40 m²/liter at 50 microns d.f.t and stated volume solids REGULATORY DATA: - Flash Point (Typical): Part A 93°F (34°C); Part B 120°F (49°C); Mixed 95°F (35°C) - Product Weight: 10.1 lb/gal (1.21 kg/l) - VOC: 3.50 lb/gal (420 g/l) EPA Method 24 341 g/kg EU Solvent Emissions Directive (Council Directive 1999/13/EC) - Kết hợp được với dung môi pha sơn International GTA713. Đóng gói: 5 lít/hộp	Interthane 990	International	Vietnam	Bộ	3	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	DVT	Số lượng	Ghi chú
121	Sơn phủ 2 thành phần	Mã màu: RAL 9004 / Signal Black Sơn phủ 2 thành phần gồm part A; B PRACTICAL INFORMATION: - Gloss Level: High Gloss - Volume Solids: 57% ± 3% (depends on color) - Typical Thickness: 2-3 mils (50-75 microns) dry equivalent to 3.5-5.3 mils (88-132 microns) wet - Theoretical Coverage: 457 sq.ft/US gallon at 2 mils d.f.t and stated volume solids 11.40 m²/liter at 50 microns d.f.t and stated volume solids REGULATORY DATA: - Flash Point (Typical): Part A 93°F (34°C); Part B 120°F (49°C); Mixed 95°F (35°C) - Product Weight: 10.1 lb/gal (1.21 kg/l) - VOC: 3.50 lb/gal (420 g/l) EPA Method 24 341 g/kg EU Solvent Emissions Directive (Council Directive 1999/13/EC) - Kết hợp được với dung môi pha sơn International GTA713. Đóng gói: 5 lít/hộp	Interthane 990	International	Vietnam	Bộ	2	
122	Sơn phủ 2 thành phần	Mã màu: RAL 5014 / Pigeon blue Sơn phủ 2 thành phần gồm part A; B PRACTICAL INFORMATION: - Gloss Level: High Gloss - Volume Solids: 57% ± 3% (depends on color) - Typical Thickness: 2-3 mils (50-75 microns) dry equivalent to 3.5-5.3 mils (88-132 microns) wet - Theoretical Coverage: 457 sq.ft/US gallon at 2 mils d.f.t and stated volume solids 11.40 m²/liter at 50 microns d.f.t and stated volume solids REGULATORY DATA: - Flash Point (Typical): Part A 93°F (34°C); Part B 120°F (49°C); Mixed 95°F (35°C) - Product Weight: 10.1 lb/gal (1.21 kg/l) - VOC: 3.50 lb/gal (420 g/l) EPA Method 24 341 g/kg EU Solvent Emissions Directive (Council Directive 1999/13/EC) - Kết hợp được với dung môi pha sơn International GTA713. Đóng gói: 5 lít/hộp	Interthane 990	International	Vietnam	Bộ	1	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
123	Sơn phủ 2 thành phần	Mã màu: RAL 5012 / Light Blue Sơn phủ 2 thành phần gồm part A; B PRACTICAL INFORMATION: - Gloss Level: High Gloss - Volume Solids: 57% ± 3% (depends on color) - Typical Thickness: 2-3 mils (50-75 microns) dry equivalent to 3.5-5.3 mils (88-132 microns) wet - Theoretical Coverage: 457 sq.ft/US gallon at 2 mils d.f.t and stated volume solids - 11.40 m²/liter at 50 microns d.f.t and stated volume solids REGULATORY DATA: - Flash Point (Typical): Part A 93°F (34°C); Part B 120°F (49°C); Mixed 95°F (35°C) - Product Weight: 10.1 lb/gal (1.21 kg/l) - VOC: 3.50 lb/gal (420 g/t) EPA Method 24 - 341 g/kg EU Solvent Emissions Directive (Council Directive 1999/13/EC) - Kết hợp được với dung môi pha sơn International GTA713. - Đóng gói: 5 lít/hộp	Interthane 990	International	Vietnam	Bộ	3	
124	Sơn phủ epoxy 2 thành phần	Sơn Epoxy hai thành phần: Màu xám đậm EP 3750 Phần A: Nhựa epoxy, bột màu, dung môi hữu cơ, các phụ gia đặc biệt. Phần B: Nhựa Đông rắn polyamide, Amine và các dẫn xuất. Đóng Gói: 1L/bộ (A: 0,8 Lit ; B: 0,2 Lit Sơn/đóng rắn)	EP 3750	Hải Âu	Vietnam	Bộ	24	
125	Sơn phủ epoxy 2 thành phần	Sơn Epoxy hai thành phần: Màu vàng EP 3655 Phần A: Nhựa epoxy, bột màu, dung môi hữu cơ, các phụ gia đặc biệt. Phần B: Nhựa Đông rắn polyamide, Amine và các dẫn xuất. Đóng Gói: 1L/bộ (A: 0,8 Lit ; B: 0,2 Lit Sơn/đóng rắn)	EP 3655	Hải Âu	Vietnam	Bộ	4	
126	Sơn xịt Grey	Thông số kỹ thuật: - Màu Grey - Sơn dạng chai xịt - Thời gian khô bề mặt: 5 - 10 phút - Thời gian khô hoàn toàn: ≤ 1 giờ	Grey A215	SƠN ATM	Vietnam	Chai	130	
127	Sơn xịt Apple Green	Thông số kỹ thuật: - Màu Apple Green - Sơn dạng chai xịt - Thời gian khô bề mặt: 5 - 10 phút - Thời gian khô hoàn toàn: ≤ 1 giờ	Green A217	SƠN ATM	Vietnam	Chai	100	
128	Sơn xịt Medium Grey	Thông số kỹ thuật: - Màu: Medium Grey - Sơn dạng chai xịt - Thời gian khô bề mặt: 5 - 10 phút - Thời gian khô hoàn toàn: ≤ 1 giờ	Mã A220	SƠN ATM	Vietnam	Chai	120	
129	Sơn xịt Orange	Thông số kỹ thuật: - Màu: Orange - Sơn dạng chai xịt - Thời gian khô bề mặt: 5 - 10 phút - Thời gian khô hoàn toàn: ≤ 1 giờ	Mã A226	SƠN ATM	Vietnam	Chai	10	
130	Sơn xịt Red	Thông số kỹ thuật: - Màu: Red - Sơn dạng chai xịt - Thời gian khô bề mặt: 5 - 10 phút - Thời gian khô hoàn toàn: ≤ 1 giờ	Mã A211	SƠN ATM	Vietnam	Chai	45	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
131	Sơn xịt River Blue	Thông số kỹ thuật: - Màu: River Blue - Sơn dạng chai xịt - Thời gian khô bề mặt: 5 - 10 phút - Thời gian khô hoàn toàn: ≤ 1 giờ	Mã A242	SƠN ATM	Vietnam	Chai	20	
132	Sùi cao sơn	Size: 50 x 100 x 18 mm;	5018	Toptul	Asia	Cái	151	
133	Súng bắn keo Silicon 230mm/9in	Chất liệu thân: Thép cứng Chất liệu tay cầm: Hợp kim nhôm Kích thước: 230 mm	90510	Sata	Trung Quốc	Cái	17	
134	Tắc kê nhựa	Kích thước: 6 mm Bịch: 100 con			Asia	Bịch	2	
135	Tắc kê nhựa	Kích thước: 8 mm Bịch: 100 con			Asia	Bịch	1	
136	Tắc kê nhựa	Kích thước: 10 mm Bịch: 100 con			Asia	Bịch	1	
137	Teflon tấm, dày 2mm	Quy cách: 1000 x 2000 x 2 mm		Top Sealing/ Shanghai Daoguan	Asia	Tấm	7	
138	Teflon tấm, dày 8mm	Size: 1500x1500x8mm hoặc khổ 1000x2000mm Nhà thầu cung cấp đủ diện tích yêu cầu		Top Sealing/ Shanghai Daoguan	Asia	Tấm	1	
139	Teflon tròn đặc	Size 60 x 500mm, Specific Gravity(2.18), Tensile Strength(3,500 psi), Hardness(51 Shore D),Wear Factor (k) (2500 x 10 in - min/ft-lb-hr)	Teflon 60x500	Top Sealing/ Shanghai Daoguan	Asia	Mét	3	
140	Teflon tròn đặc	Size 20 x 500mm, Specific Gravity(2.18), Tensile Strength(3,500 psi), Hardness(51 Shore D),Wear Factor (k) (2500 x 10 in - min/ft-lb-hr)	Teflon 20x500	Top Sealing/ Shanghai Daoguan	Asia	Mét	7	
141	Teflon tròn đặc	Size 80 x 500mm, Specific Gravity(2.18), Tensile Strength(3,500 psi), Hardness(51 Shore D),Wear Factor (k) (2500 x 10 in - min/ft-lb-hr)	Teflon 80x500	Top Sealing/ Shanghai Daoguan	Asia	Mét	6	
142	Teflon tròn đặc	Size 30 x 500mm,Hardness(62 Shore D), Max T: 204 Oc	PTFE Rod	Top Sealing/ Shanghai Daoguan	Asia	Mét	1	
143	Teflon tròn đặc	Size 150 x 500mm, Specific Gravity(2.18), Tensile Strength(3,500 psi), Hardness(51 Shore D),Wear Factor (k) (2500 x 10 in - min/ft-lb-hr)	Teflon 150x500	Top Sealing/ Shanghai Daoguan	Asia	Mét	5	
144	Túi Đựng Dụng Cụ Kỹ Thuật	Kích thước: 300mm x 250mm x 200mm Khối lượng: 700g	AK- 9992	ASAKI/Việt Nam		Cái	31	
145	Túi đựng rác tự hủy sinh học	Kích thước 64 x 78 cm Quy cách: 1kg/ 3cuộn		Greensun	Vietnam	Cuộn	350	
146	Ứng bảo hộ chống axit, chống dầu	Chất liệu: Nhựa PVC Màu: xanh dương Tính năng: chống axit chống dầu Size: 40, 41, 42 chia đều theo số lượng Tiêu chuẩn sản phẩm : Trung Tâm Kỹ Thuật Nhựa – Cao Su và Đào Tạo Quản Lý Năng Lượng thuộc Sở Công Thương TP HCM (PRET) Trọng lượng 700 g	A22	Thuy Duong	Asia	Đôi	31	
147	Vải chịu nhiệt rộng 200mm	Model: Fluorotex HD - Dimension: Width x Long = 200[mm] x 5.000[mm] - Design pressure: 20 kPa - Design temperature: 250 độ C - Maximum axial movements: ..170 mm - Maximum lateral movements: .. 85 mm - Including: + Super seal gasket + Fabric joining tool kits	Fluorotex HD	Eagle Burgmann	Asia	Tấm	1	

STT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
148	Vải chịu nhiệt rộng 450mm	Model: Fluorotex HD - Dimension: Width x Long = 450[mm] x 50.000[mm] - Design pressure: 20 kPa - Design temperature: 250 độ C - Maximum axial movements: ..170 mm - Maximum lateral movements: .. 85 mm - Including: + Super seal gasket + Fabric joining tool kits	Fluorotex HD	Eagle Burgmann	Asia	Tấm	1	
149	Vải chịu nhiệt rộng 500mm	Model: Fluorotex HD - Dimension: Width x Long = 500[mm] x 10.000[mm] - Design pressure: 20 kPa - Design temperature: 250 độ C - Maximum axial movements: ..170 mm - Maximum lateral movements: .. 85 mm - Including: + Super seal gasket + Fabric joining tool kits	Fluorotex HD	Eagle Burgmann	Asia	Tấm	3	
150	Vải chịu nhiệt rộng 550mm	Model: Fluorotex HD - Dimension: Width x Long = 550[mm] x 50.000[mm] - Design pressure: 20 kPa - Design temperature: 250 độ C - Maximum axial movements: ..170 mm - Maximum lateral movements: .. 85 mm - Including: + Super seal gasket + Fabric joining tool kits	Fluorotex HD	Eagle Burgmann	Asia	Tấm	1	
151	Vải lau cotton màu	Chất liệu cotton 100% Kích thước 300x400 mm ± 20% Không kết miếng			Asia	Kg	4.965	
152	Vải lau cotton trắng	Chất liệu cotton 100%, màu trắng Kích thước 300x400 mm ± 20% Không kết miếng			Asia	Kg	1.695	
153	Xô nhựa 10 lít	Loại 10 lít Màu: xanh Nguyên liệu: PP Kích thước: 28.2 x 26.4 x 24.6 cm			Vietnam	cái	18	

Handwritten signature